

Số: 07/2026/QĐST-KDTM

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ: số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hoài T1 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh K. Bà Trần Thị Hoài T1 uỷ quyền lại cho bà Trương Thị Thanh T2 – Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản uỷ quyền ngày 25/3/2026). Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Ông Cao Thành Đ, sinh năm 1966 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: Số A Hồ T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

(Hiện ở tại: Số B Đ, phường K, tỉnh Quảng Ngãi).

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền phải trả và xử lý tài sản thế chấp.**

- Ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị T1 liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 14/05/2026 số tiền là 1.084.622.727 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 12.837.763 đồng; lãi quá hạn: 70.791.781 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 993.183 đồng theo giấy nhận

nợ số LD2505800218 ngày 27/02/2025. Thời hạn trả nợ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Cao Thành Đ trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi (theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 356480 – 7651 ngày 22/03/2019) tính đến hết ngày 14/05/2026 là 41.272.214 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi một triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng*). Thời hạn trả nợ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Trần Thị T1 trả cho Ngân hàng tổng số tiền (theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 970403 – 8853 ngày 28/09/2022) tính đến ngày 14/05/2026 là 26.558.431 đồng (Bằng chữ: *Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng*). Thời hạn trả nợ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đ, bà T1 chậm trả số tiền nói trên thì phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, tính lãi từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thi hành án xong.

Đến hạn trả nợ theo sự thỏa thuận nói trên mà ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 04, có diện tích 125m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận QSD đất số Y 848575 cấp ngày 20/12/2003 mang tên bà Trần Thị T1 và được đăng ký biến động về địa chỉ thửa đất từ xã Đ, thị xã K thành phường T, thành phố K vào ngày 21/3/2025.

**2.2. Về chi phí tố tụng và án phí.** Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về chi phí tố tụng: Ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị Thu C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 8.200.000 đồng. Ngân hàng đã tạm ứng nên ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị T1 trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 8.200.000 đồng (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị T1 liên đới chịu 22.269.300 đồng (*Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung.

Ngoài ra ông Cao Thành Đ và bà Trần Thị T1 mỗi người còn phải chịu 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ trả nợ riêng theo hợp đồng thẻ tín dụng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 22.162.086 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002387 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Tiến**